UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:3922 /QĐ-SYT

Hải Phòng, ngày 08 *tháng* 10 *năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 09 tháng năm 2026 của Văn phòng Sở Y tế thành phố Hải Phòng

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước

Căn cứ Quyết định số 61/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Uỷ ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 5055/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2026 cho các cấp, các ngành, các đơn vị;

Căn cứ các Quyết định của Sở Y tế thành phố Hải Phòng về việc giao nhận thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở Y tế thành phố Hải Phòng;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 09 tháng năm 2026 của Văn phòng Sở Y tế thành phố Hải Phòng (theo biểu đính kèm).

Hình thức công khai: trên Cổng thông tin điện tử của Sở Y tế thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà): Trưởng các phòng thuộc Sở Y tế và các đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- GĐ, các PGĐ SYT;
- Như Điều 3;
- Cổng TTĐT SYT;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Lê Minh Quang

Đơn vị: Văn phòng Sở Y thành phố tế Hải Phòng
Mã quan hệ ngân sách: 1021452
Chương: 423

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH
(09 THÁNG NĂM 2026)

(Kèm theo Quyết định số 3922 /QĐ-SYT ngày 08 10 /2026 của Sở Y tế)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán được sử dụng năm 2026	Dự toán tiết kiệm theo Nghị quyết 135/NQ-CP	Thực hiện 9 tháng năm 2026	Dự toán còn lại	Thực hiện/Dự toán (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6=3-4-5	7
B	**TỔNG SỐ THU, CHI, NỘP NGÂN SÁCH**					
1	**Số thu**	**2.850.000.000**		**3.413.915.000**		**119,79%**
	Phí, lệ phí	2.850.000.000		3.413.915.000		119,79%
2	**Số nộp ngân sách nhà nước**	**2.850.000.000**		**3.413.915.000**		**119,79%**
	Phí, lệ phí	2.850.000.000		3.413.915.000		119,79%
3	**Chi từ nguồn thu được để lại**	**0**		**0**		**0,00%**
	Phí, lệ phí	0		0		0,00%
B	**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**	**69.372.565.296**	**1.268.200.000**	**52.559.057.231**	**15.545.308.065**	**75,76%**
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**68.729.315.296**	**1.268.200.000**	**51.915.809.231**	**15.545.306.065**	**75,54%**
1	***Chi quản lý hành chính: Loại 340 Khoản 341***	***29.180.277.396***	***816.200.000***	***20.684.605.931***	***7.679.471.465***	***70,89%***
1.1	**Kinh phí thường xuyên giao tự chủ**	**19.473.773.264**	**626.200.000**	**14.059.736.460**	**4.787.836.804**	**72,20%**
	- Quỹ tiền lương	15.074.000.000		10.668.278.559	4.405.721.441	70,77%
	- Chi thường xuyên theo định mức	4.399.773.264	626.200.000	3.391.457.901	382.115.363	77,08%

STT	Nội dung	Dự toán được sử dụng năm 2026	Dự toán tiết kiệm theo Nghị quyết 135/NQ-CP	Thực hiện 9 tháng năm 2026	Dự toán còn lại	Thực hiện/Dự toán (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6=3-4-5	7
1.2	**Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ**	**9.706.504.132**	**190.000.000**	**6.624.869.471**	**2.891.634.661**	**68,25%**
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	976.000.000		0	976.000.000	0,00%
	- Kinh phí hỗ trợ công tác thu phí	1.450.000.000	145.000.000	84.666.739	1.220.333.261	5,84%
	- Kinh phí chi công tác xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật	231.000.000	23.100.000	0	207.900.000	0,00%
	- Kinh phí hỗ trợ xăng xe phục vụ công tác kiểm tra, giám sát	219.000.000	21.900.000	57.998.600	139.101.400	26,48%
	- Kinh phí thực hiện thu nhập bình quân tăng thêm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022, Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 18/4/2023 và Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 13/11/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố	5.610.104.132		5.610.104.132	0	100,00%
	- Kinh phí thực hiện chính sách quy định tại Nghị quyết số 36/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng	1.220.400.000		872.100.000	348.300.000	71,46%
2	***Chi bảo đảm xã hội: Loại 370 Khoản 398***	***4.228.100.000***	***0***	***286.583.600***	***3.941.516.400***	***6,78%***
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	**4.228.100.000**	**0**	**286.583.600**	**3.941.516.400**	**6,78%**
	Quà cho các đối tượng chính sách theo Nghị quyết của HĐND thành phố	1.613.000.000		27.746.600	1.585.253.400	1,72%

STT	Nội dung	Dự toán được sử dụng năm 2026	Dự toán tiết kiệm theo Nghị quyết 135/NQ-CP	Thực hiện 9 tháng năm 2026	Dự toán còn lại	Thực hiện/Dự toán (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6=3-4-5	7
	Kinh phí thực hiện trợ giúp người khuyết tật năm 2026	243.675.000			243.675.000	0,00%
	Kinh phí thực hiện trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, trẻ em tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng năm 2026	115.425.000			115.425.000	0,00%
	Kinh phí thực hiện Chương trình phòng, chống ma túy năm 2026	50.000.000		50.000.000	0	100,00%
	Kinh phí Chương trình sự nghiệp bảo đảm xã hội khác năm 2026	2.206.000.000		208.837.000	1.997.163.000	9,47%
3	***Loại 400 Khoản 428***	***640.000.000***	***0***	***600.000.000***	***40.000.000***	***93,75%***
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	**640.000.000**	**0**	**600.000.000**	**40.000.000**	**93,75%**
	Chi hỗ trợ cho các Thầy thuốc ưu tú nhân dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ 2026 theo Kế hoạch số 30/KH-TU ngày 02/02/2026 của Thường trực Thành ủy Hải Phòng	640.000.000		600.000.000	40.000.000	93,75%
4	***Loại 130 Khoản 139***	***33.780.937.900***	***321.000.000***	***29.981.307.548***	***3.478.630.352***	***88,75%***
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	**33.780.937.900**	**321.000.000**	**29.981.307.548**	**3.478.630.352**	**88,75%**
	- Kinh phí khám sức khỏe cho cán bộ diện Ban Thành ủy quản lý	277.551.900		277.186.548	365.352	99,87%

STT	Nội dung	Dự toán được sử dụng năm 2026	Dự toán tiết kiệm theo Nghị quyết 135/NQ-CP	Thực hiện 9 tháng năm 2026	Dự toán còn lại	Thực hiện/Dự toán (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6=3-4-5	7
	- Kinh phí mua sắm Trang thiết bị đợt 1 - Quyết định 4323/QĐ-UBND ngày 30/10/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng	21.843.947.000		20.391.180.000	1.452.767.000	93,35%
	- Kinh phí mua sắm Trang thiết bị đợt 2 - Quyết định 4571/QĐ-UBND ngày 13/11/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng	9.347.039.000		8.981.765.000	365.274.000	96,09%
	- Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ Chi Chương trình Y tế địa phương	2.250.000.000	321.000.000	331.176.000	1.597.824.000	14,72%
	- Kinh phí Chương trình kết hợp Quân dân y năm 2026	62.400.000		0	62.400.000	0,00%
5	***Loại 070 Khoản 085***	***900.000.000***	***131.000.000***	***363.312.152***	***405.687.848***	***40,37%***
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	**900.000.000**	**131.000.000**	**363.312.152**	**405.687.848**	**40,37%**
	Kinh phí Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ làm công tác xã hội	900.000.000	131.000.000	363.312.152	405.687.848	40,37%
II	**Nguồn vốn viện trợ**	**643.250.000**	**0**	**643.248.000**	**2.000**	**100,00%**
1	***Chi quản lý hành chính: Loại 340 Khoản 341***	***643.250.000***	***0***	***643.248.000***	***2.000***	***100,00%***
	- Ghi thu ghi chi vốn viện trợ không hoàn lại dự án "Xây dựng mô hình đồng chi trả xét nghiệm HPV tại Việt Nam"	643.250.000	0	643.248.000	2.000	100,00%